

**TÒA ÁN ND TP BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2018/HS-ST**

Ngày: 12/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh.

Ông Nguyễn Thái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

L H H, sinh năm 1990. Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã S, huyện H, tỉnh H. Chỗ ở hiện nay: khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: thợ mộc. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông L D H, sinh năm 1959 và bà C T M, sinh năm 1960. Bị cáo có vợ tên N T H, sinh năm 1988. Có 02 con, lớn sinh năm 2010 và nhỏ sinh năm 2017. Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23/9/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố H xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị bắt tạm giữ ngày 10/11/2017, chuyển tạm giam theo lệnh số 02/LTG ngày 17/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Anh L H C L, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường B, thành phố B, tỉnh Đ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 10/11/2017, L H H đến khu vực gần siêu thị Lotte mart thuộc phường L, thành phố B gặp bạn là N V H (không rõ địa chỉ) thì H rủ đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì H đồng ý. Hùng điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Taurus biển số 67M1-192-77 chở Hiệu đi đến dãy nhà trọ thuộc tổ 13B, khu phố 1, phường L thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 66M1-345.46 của anh L H C L, sinh năm 1996, ngụ tại xã H, huyện T, tỉnh Đ đang dựng trước cửa phòng trọ số 6. H dừng xe, còn H đứng ngoài cảnh giới. Sau đó H đi bộ vào trong dãy phòng trọ dùng đoạn khóa phá khóa xe mở khóa xe mô tô biển số 66M1-345.46 rồi dắt xe ra ngoài đưa cho H. Do xe mô tô biển số 66M1-345.46 không nổ máy được nên H ngồi lên xe để H điều khiển xe mô tô biển số 67M1-192.77 dùng chân đẩy đi thì bị chị H T T, sinh năm 1986, ngụ xã L, huyện T, tỉnh P ở cùng dãy phòng trọ phát hiện tri hô nên anh L cùng người dân đuổi theo bắt giữ H giao Công an phường Long Bình lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý. Riêng đối tượng H bỏ chạy thoát.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 66M1-345.46 là xe của anh L H C L, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả cho anh L.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Taurus biển số 67M1-192.77 là xe N V H sử dụng chở H đi trộm cắp tài sản. Do chưa xác minh được chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Tại kết luận định giá tài sản số 320/TCKH-HĐĐG ngày 16/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: “01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 66M1-345.46 có giá trị là 44.640.000 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)”.

Về trách nhiệm dân sự: anh L H C L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 78/CT/VKS-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố L H H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo mức án từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 10/11/2017, tại dãy phòng trọ thuộc tổ 13B, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đ, L H H và N V H đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 66M1-345.46 có giá trị là 44.640.000 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) của anh L H C L.

Đối với đối tượng N V H, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh xử lý sau.

[3] Về việc áp dụng điều luật:

Xét thấy, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo trong vụ án xảy ra vào ngày 10/11/2017. Theo công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, hướng dẫn áp dụng như sau: Các quy định không có lợi cho người phạm tội thì không áp dụng đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang điều tra, truy tố, xét xử; trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 để giải quyết. Các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang điều tra, truy tố, xét xử.

Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, quy định về tội “Trộm cắp tài sản” quy định mức khởi điểm của khung hình phạt trong tội này bằng với tội danh tương ứng được quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án.

[4] Về tội danh và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, hành vi bị cáo H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, được sửa đổi bổ sung 2009.

Từ những nhận định trên, xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự: Người bị hại anh L H C L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[7] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo L H H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: L H H 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND TP.Biên Hòa
- THA Biên Hòa
- Bị cáo
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Mỹ Hạnh